TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương.

2. Bà Phạm Thị Kim Tuyền.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hồ Ngọc B, sinh năm 1977;

2. Bà Đặng Thị Kim D, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Trần Thị Ú *là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông T có cho vợ chồng bà D, ông B vay số tiền 100.000.000 đồng. Tại thời điểm cho vay tiền có mặt cả bà D và ông B. Ông B, bà D nói vay tạm vài ngày để làm vốn mua sắt kinh doanh do tin tưởng nên lúc đưa tiền vay không có làm giấy tờ. Sau đó, không thấy vợ chồng bà D trả nợ như đã hứa, ông T đến nhà gặp bà D lúc này bà D mới viết lại giấy mượn tiền ngày 16/8/2022 và thỏa thuận đến ngày 16/02/2023 sẽ trả lại tiền cho ông T. Toàn bộ chữ viết tay trong giấy mượn tiền đều do bà D viết. Khi làm lại giấy mượn tiền do ông B không có ở nhà nên trong giấy nợ không có chữ ký của ông B nhưng ông T xác định tại thời điểm cho vay ông B có mặt và có biết việc vay mượn này. Mặc dù, trong giấy mượn tiền không có ghi nội dung lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng và bà D có trả được 02 tháng tiền lãi từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022 với số tiền là 10.000.000 đồng thì ngưng không trả lãi nữa. Do vợ chồng bà D, ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu bà D và ông B có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền nợ vay vốn là 10.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất là 1,6%/tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023. Đối với số tiền lãi ông T đã nhận trong trường hợp cao hơn so với quy định pháp luật thì ông T tự nguyện đồng ý khấu trừ lại cho ông B, bà D.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi cụ thể: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất là 1,6%/tháng cho đến khi thanh toán xong nợ. Nay tự nguyện rút lại phần yêu cầu này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hồ Ngọc B *và bà* Đặng Thị Kim D đã được Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng nhưng ông B, bà D không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp phát sinh giữa ông Nguyễn Minh T với ông Hồ Ngọc B, bà Đặng Thị Kim D thông qua "Giấy mượn tiền ngày 16/8/2022" là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Hồ Ngọc B, bà Đặng Thị Kim D có địa chỉ cư trú tại Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An nên khi ông T có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 16/8/2022 do nguyên đơn cung cấp có thể hiện "... hạn chót là ngày 16/02/2023 tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền ...". Như vậy có căn cứ xác định quan hệ vay tiền giữa ông T và bà D, ông B là hợp đồng vay có thời hạn, ngày 10/7/2023 ông T nộp đơn khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện.

[3.2] Bị đơn ông Hồ Ngọc B, bà Đặng Thị Kim D được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng cụ thể: Trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 24, 25 và 26 tháng 7 năm 2023 và B1 vào các ngày 26, 28 tháng 7 và ngày 02 tháng 8 năm 2023 nhưng ông B, bà D vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 180, Điều 207, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3.3] Về chứng cứ, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn bà Đặng Thị Kim D và ông Hồ Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc: Đại diện nguyên đơn trình bày do chỗ quen biết nên ông T có cho vợ chồng bà D vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, có làm giấy mượn tiền do bà D viết và ký tên, đồng thời cung cấp Giấy mượn tiền ngày 16/8/2022. Căn cứ vào Giấy mượn tiền thể hiện bà Đặng Thị Kim D có vay của ông Nguyễn Minh T số tiền 100.000.000đồng, cam kết đến ngày 16/02/2023 sẽ hoàn trả đủ số tiền, tại mục người mượn tiền cuối giấy mượn tiền có chữ ký, viết họ tên Đặng Thị Kim D. Đối với bà D, ông B được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà D, ông B không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định giữa ông T và bà D có xác lập quan hệ giao dịch dân sự vay tài sản, giao

dịch dân trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Khi đến hạn trả nợ, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông T khởi kiện yêu cầu trả nợ vay là có căn cứ được chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Trong Giấy mượn tiền ngày 16/8/2022 không thể hiện lãi suất nhưng đại diện nguyên đơn trình bà các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, ông T thừa nhận thực tế đã nhận 2 tháng tiền lãi là 10.000.000 đồng. Như vậy, xác định hai bên có thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 5%/tháng tương ứng với mức lãi suất 60%/năm, mức lãi suất này cao hơn so với mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cũng đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi vượt quá quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trên số nợ gốc với lãi suất là 1,6%/tháng từ ngày 16/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 là có lợi cho đương sự và phù hợp với khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được xác định như sau:

- Tiền lãi từ ngày 16/8/2022 đến ngày 16/9/2022: 100.000.000 đồng x 1,6% x 1 tháng = 1.600.000 đồng. (Tiền lãi vượt quá 5.000.000 – 1.600.000 = 3.400.000 đồng. Nợ gốc còn: 100.000.000 đồng - 3.400.000 đồng = 96.600.000 đồng)

- Tiền lãi từ ngày 16/9/2022 đến ngày 16/10/2022: 96.600.000 đồng x 1,6% x 1 tháng = 1.545.600 đồng. (Tiền lãi vượt quá 5.000.000 – 1.545.600 = 3.454.400 đồng. Nợ gốc còn: 96.600.000 đồng - 3.454.400 đồng = 93.145.600 đồng)

- Tiền lãi trên nợ gốc chưa trả tính từ ngày 16/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023: 93.145.600 x 1,6%/tháng x 11 tháng 11 ngày = 16.940.055 đồng.

Như vậy, số tiền vốn vay bị đơn còn nợ lại là 93.145.600 đồng và nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 16.940.055 đồng.

Đối với yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất là 1,6%/tháng cho đến khi thanh toán xong nợ tại phiên tòa đại diện nguyên đơn tự nguyện thay đổi không yêu cầu. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4.3]. Về nghĩa vụ liên đới: Căn cứ theo Công văn số 1391/UBND –TP ngày 31/7/2023 của UBND xã P cung cấp thông tin thể hiện ông Hồ Ngọc B và bà Đặng Thị Kim D có đăng ký kết hôn tại UBND xã P số đăng ký 15/2000 ngày 12/7/2000. Ông Hồ Ngọc B và bà Đặng Thị Kim D mở cơ sở sản xuất kinh doanh vào khoảng năm 2000. Như vậy, có cơ sở xác định tại thời điểm vay tiền của ông T thì ông B và bà D là vợ chồng, hôn nhân giữa ông B, bà D vẫn đang tồn tại, ông B, bà D cùng mở cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương nhiều

năm nên xác định khoản vay trên là trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà D, ông B cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông T số tiền còn nợ 93.145.600 đồng và nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 với số tiền là 16.940.055 đồng.

[5] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về lệ phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Minh T phải chịu số tiền 4.500.000đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông T đã nộp xong.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà D, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông T. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông T.

[8] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T đối với bị đơn ông Hồ Ngọc B, bà Đặng Thị Kim D về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc ông Hồ Ngọc B, bà Đặng Thị Kim D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền vốn vay là 93.145.600 (Chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng và tiền lãi là 16.940.055 (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hánh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Hồ Ngọc B, bà Đặng Thị Kim D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.504.000đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh T 2.852.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005727 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Hải – Nguyễn Ngọc Thi	**Nguyễn Ngọc Thám**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng